UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2046 /GP-SCT

Hải Phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2026

GIẤY PHÉP KINH DOANH
HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT (NHÓM 2)

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, lĩnh vực khoáng sản và lĩnh vực dầu khí trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;

Căn cứ các biên bản ngày 05/11/2026 của Sở Công Thương: Biên bản thẩm định hồ sơ và kiểm tra cơ sở kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2 (trụ sở chính) của Công ty TNHH Teyang Việt Nam; Biên bản kiểm tra hợp đồng sử dụng

dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất phục vụ cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm của Công ty TNHH Teyang Việt Nam;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2 của Công ty TNHH Teyang Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Teyang Việt Nam:

1. Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 805 tầng 8, Tòa nhà Akashi, số 10 Lô 2A Khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam; Số điện thoại: 0969829202;

2. Địa chỉ cơ sở kinh doanh hóa chất: Phòng 805 tầng 8, Tòa nhà Akashi, số 10 Lô 2A Khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

3. Địa chỉ kho chứa hóa chất: Lô CN4.1E Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng (*thuê kho của Công ty cổ phần Xây dựng Âu Châu theo Hợp đồng dịch vụ tồn trữ hóa chất số 2309/2026/AC-TY ngày 23/9/2026 giữa Công ty TNHH Teyang Việt Nam với Công ty cổ phần Xây dựng Âu Châu; Phụ lục 01 ký ngày 23/9/2026 và Phụ lục số 03 ký ngày 12/10/2026 kèm theo*).

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0202248758 do phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/7/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/7/2026.

5. Mã số doanh nghiệp: 0202248758.

7. Người đại diện theo pháp luật: Hong Soo Chan; Chức vụ: Giám đốc; Số hộ chiếu người đại diện theo pháp luật: M39746348 do Bộ Ngoại giao Hàn Quốc cấp ngày 18/6/2021.

Được phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2 với chủng loại và quy mô cụ thể như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Công ty TNHH Teyang Việt Nam phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản sau đây:

- Luật Hóa chất ngày 14/6/2025;

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

- Các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Công ty TNHH Teyang Việt Nam phải đảm bảo điều kiện sử dụng Giấy phép sau đây:

- Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

- Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép.

- Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố Giấy phép.

- Báo cáo Sở Công Thương khi có sự thay đổi điều kiện kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2 của đơn vị được cấp Giấy phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm, quy mô...). Trường hợp trong hoạt động kinh doanh hóa chất có phát sinh nhu cầu lưu kho vượt quá quy mô sức chứa kho thuê (tại Hợp đồng dịch vụ tồn trữ hóa chất số 2309/2026/AC-TY ngày 23/9/2026 và Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 12/10/2026), Công ty phải thực hiện điều chỉnh hợp đồng thuê kho và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để thực hiện điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2 quy định. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tồn trữ hóa chất vượt quy mô tồn trữ của kho chứa, lưu trữ không đúng vị trí kho hóa chất và để xảy ra các sự cố hóa chất trong quá trình lưu trữ, vận chuyển, kinh doanh hóa chất.

- Báo cáo Sở Công Thương khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc khi bị mất, hỏng Giấy phép.

- Nộp lại Giấy phép tại cơ quan cấp Giấy phép khi hết hạn sử dụng.

Điều 4. Giấy phép này có thời hạn 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Bộ Công Thương (Cục Hóa chất);
- UBND TP (để b/c);
- TTPVHCC TP;
- Ban Quản lý KKT Hải Phòng;
- UBND phường Ngô Quyền;
- UBND phường Đông Hải

(p/hợp quản lý)

- GĐ Sở, PGĐ Sở P.T. Hải;
- Lưu: VT, P.KTATMT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Hoàng Long

Phụ lục

THÔNG TIN KINH DOANH HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT NHÓM 2 CỦA CÔNG TY TNHH TEYANG VIỆT NAM

(Kèm theo Giấy phép số 2046 */GP-SCT ngày* 09 */ 11/2026 của Sở Công Thương thành phố Hải Phòng)*

Kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2

- Địa điểm cơ sở kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2: Phòng 805, tầng 8, tòa nhà Akashi, số 10, lô 2A Khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Địa điểm kho hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2: Lô CN4.1E Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng (*thuê kho của Công ty cổ phần Xây dựng Âu Châu theo Hợp đồng dịch vụ tồn trữ hóa chất số 2309/2026/AC-TY ngày 23/9/2026, Phụ lục hợp đồng số 01, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 23/9/2026 và Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 12/10/2026*).

- Thông tin hóa chất cần kiểm soát đặc biệt Nhóm 2 được phép kinh doanh:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần				Khối lượng (Tấn/năm)
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng	
1.	Chất tẩy rửa HT-353	Acetone	67-64-1	C_3H_6O	10%	10
		Isopropyl alcohol	67-63-0	C_3H_8O	5%	
2.	PMC-3	Acetone	67-64-1	C_3H_6O	20-30%	10
		1-Methoxy-2-propanol	107-98-2	$C_4H_{10}O_2$	2-12%	
3.	AC-100	n-Butanol	71-36-3	$C_4H_{10}O$	1-5%	5
		Methyl benzene	108-88-3	C_7H_8	15-25%	
		Acetone	67-64-1	C_3H_6O	50-60%	
5.	WHITE DETECTOR MP-35	Methyl benzene	108-88-3	C_7H_8	5-15%	5
		Acetone	67-64-1	C_3H_6O	20-30%	

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần				Khối lượng (Tấn/năm)
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng	
		Methyl isobutyl ketone	108-10-1	$C_6H_{12}O$	5-15%	
6.	ZINCOT N-50	Zinc	7440-66-6	Zn	25-35%	5
		Methyl benzene	108-88-3	C_7H_8	20-30%	
7.	SS-COAT 909	Aluminium powder	7429-90-5	Al	1-10%	5
		Zinc	7440-66-6	Zn	0,01-1%	
		Methyl benzene	108-88-3	C_7H_8	20-30%	
8.	UC-100	Methyl benzene	108-88-3	C_7H_8	5-15%	5
		Acetone	67-64-1	C_3H_6O	5-15%	
9.	LP-3	Acetone	67-64-1	C_3H_6O	29%	5
		1-Methoxy-2-propanol	107-98-2	$C_4H_{10}O_2$	8%	
		Triethanolamine	102-71-6	$C_6H_{15}NO_3$	1-7%	
		Triethanolamine	102-71-6	$C_6H_{15}NO_3$	5-10%	
12.	SY-200P	Triethanolamine	102-71-6	$C_6H_{15}NO_3$	5-10%	5
		Ethanolamine	141-43-5	C_2H_7NO	5-10%	
13.	BLUE-360	Triethanolamine	102-71-6	$C_6H_{15}NO_3$	5-10%	5
		Ethanolamine	141-43-5	C_2H_7NO	5-10%	
		Triethanolamine	102-71-6	$C_6H_{15}NO_3$	5-10%	
		Methyl benzene	108-88-3	C_7H_8	30-40%	